

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191/2020/HS-ST**

Ngày: 11-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vàng Huy Lập;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Tổ dân phố N, phường 9, thành phố Đ, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Phan Huy K**, tên thường gọi khác: **K C**; sinh năm 1971, tại Thừa Thiên H; nơi đăng ký thường trú: 129B đường H, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu L, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1947; vợ: Nguyễn Thị Thái P, sinh năm 1976 (đã ly hôn); vợ: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1992 và 2009; tiền sự: không;

Tiền án:

Bản án số 114/2014/HSST ngày 28/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/7/2015;

Bản án số 24/2016/HSST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/5/2017, chưa được xóa án tích;

Nhân thân:

Bản án số 45/2005/HSST ngày 22/3/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xoá án tích.

Bản án số 23/2013/HSST ngày 09/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. *(Có mặt)*

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1981; nơi cư trú: 48 đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

2. Bà Bùi Thị Kim H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ D, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

3. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1990; nơi cư trú: 237 đường P, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Trương Minh Đ1, sinh năm: 1968, nơi cư trú: Khu quy hoạch C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Huy K là đối tượng đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xoá án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, K không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, từ ngày 11/4/2019 đến ngày 23/6/2020, K đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 05 giờ 00 ngày 11/4/2019, Phan Huy K cùng đối tượng tên T1 (hiện chưa rõ nhân thân, lại lịch) rủ nhau đi tìm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. T1 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở K đi đến trước nhà của chị Nguyễn Thị Ngọc N tại địa chỉ số 48 đường N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì cả hai phát hiện bên trong sân có nhiều cây cảnh nên nảy sinh ý định trộm cắp, thực hiện ý định K đứng bên ngoài cảnh giới còn T1 trèo qua hàng rào vào sân rồi đi xuống hành lang đến tầng hầm lấy trộm 01 chậu cây bonsai hoa ngũ sắc (tỉ muội) cao 1,2m, đường kính rễ 60cm, đường kính thân trên 50-60cm rồi bê ra hàng rào, chuyển qua cho K. Sau đó, cả hai chở cây hoa ngũ sắc trên đến nhà của Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1988, tạm trú: Khu B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng để gửi. Đến ngày 12/4/2019, Cơ quan Công an đã tạm giữ cây bonsai hoa ngũ sắc trên từ T2 còn K và T1 bỏ trốn. Tại kết luận định giá tài sản số 200/KL-ĐG ngày 08/05/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ

tụng hình sự thành phố Đ xác định cây bonsai hoa ngũ sắc nói trên trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng. Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã trả lại cây hoa ngũ sắc trên cho bị hại chị N. Chị N không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lần 2: Khoảng 13 giờ 00 ngày 13/11/2019, Phan Huy K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 49N3-9590 đến khu vực đường C, phường I, thành phố Đ gặp Phan Vũ Đ (cháu ruột của K), tại đây, K rủ Đ đi trộm cắp chó để bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển số 49N3-9590 chở K mang theo 01 súng tự chế (gồm 01 bình ắc quy 12V có dây điện nối với thanh kim loại ở đầu) đi tới nhà của bà Bùi Thị Kim H tại Tổ D, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì cả hai phát hiện 01 con chó của bà H có lông màu vàng, giống chó cỏ, nặng 20 kg đang nằm trước sân nhà và không có người trông coi. Lúc này, Đ điều khiển xe tiến gần về phía con chó đang nằm còn K ngồi sau dùng súng điện tự chế bắn trúng con chó làm con chó bất tỉnh. Sau đó, K xuống xe, ôm con chó lên xe rồi cùng Đ mang đến đường B, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được số tiền 450.000 đồng, số tiền này cả hai chia nhau tiêu xài hết. Tại kết luận định giá tài sản số 689/KL-ĐG ngày 04/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định con chó nói trên của bà H trị giá 840.000 (tám trăm bốn mươi nghìn) đồng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu hồi được con chó nói trên để trả lại cho bà H. Bà H không yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lần 3: Khoảng 20 giờ 00 ngày 23/6/2020, Phan Huy K rủ Trương Minh Đ1, sinh năm: 1968, nơi cư trú: Khu quy hoạch C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đi trộm cắp chó để bán lấy tiền tiêu xài thì Đ1 đồng ý. Sau đó, Đ1 điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius của lần trộm thứ 2 nhưng gắn biển số 37Z2-4055 chở K mang theo 01 súng điện tự chế, cả hai đi lòng vòng để tìm chó trộm cắp. Khi đi đến trước nhà của anh Nguyễn Trung T tại địa chỉ 237 đường P, phường G, thành phố Đ thì cả hai phát hiện 01 con chó cỏ, lông màu vàng nhạt, dài khoảng 60cm, cao khoảng 30cm, nặng 15,7kg của anh T không có người trông coi nên Đ1 điều khiển xe mô tô tiến đến gần con chó còn K dùng súng điện tự chế dí điện, làm tê liệt con chó rồi ôm chó lên xe để bỏ trốn thì bị Công an thành phố Đà Lạt bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Tại kết luận định giá tài sản số 131/KL-ĐG ngày 01/7/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định con chó nói trên của anh T có giá trị là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 176/CT-VKS ngày 13/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phan Huy K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Huy K về tội

danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 176/CT-VKS ngày 13/10/2020. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Phan Huy K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Phan Huy K từ 05 – 06 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 bình ắc quy màu cam hiệu GLOBE; 01 bộ thay đổi dòng điện; 01 cây gỗ trên đầu có gắn 02 thanh kim loại; 01 súng tự chế bằng gỗ có buộc dây thun. Trả lại cho ông Trương Minh Đ1 01 đồng hồ dây da màu nâu hiệu Neos; 01 điện thoại Nokia màu đen. Giao lại cho cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 37Z2 – 4055 và 01 chìa khóa có 04 cạnh để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, các bị hại chị N, bà H, anh T và người liên quan ông Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Phan Huy K là đối tượng đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không kiểm việc làm chân chính để có thu nhập cho bản thân mà từ ngày 11/4/2019 đến ngày 23/6/2020, bị cáo K tiếp tục 03 lần thực hiện hành vi lén lút

trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ để kiếm tiền tiêu xài và làm nguồn sống chính cho bản thân, cụ thể: bị cáo đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị Ngọc N 01 cây bonsai hoa ngũ sắc trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng, trộm cắp của bà Bùi Thị Kim H 01 con chó cỏ trị giá 840.000 (tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, trộm cắp của anh Nguyễn Trung T 01 con chó cỏ, trị giá 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo K chiếm đoạt của các bị hại nói trên là 6.640.000 (sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo K phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, có tính chất chuyên nghiệp nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo K còn khai nhận 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp chó ở phường D, thành phố Đ và 01 lần trộm cắp điện thoại di động hiệu iPhone màu trắng ở phường E, thành phố Đ. Tuy nhiên, hiện Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt chưa xác định được bị hại nên tách ra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với đối tượng tên “T1” là người đã cùng bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp chậu cây bonsai của chị Nguyễn Thị Ngọc N vào ngày 11/4/2019, hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của T1 nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh và sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1988, tạm trú: Khu B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là người được bị cáo K gửi nhờ chậu cây bonsai trộm cắp nói trên, quá trình điều tra, T2 không có mặt tại địa phương, hiện chưa xác định được nơi ở của T2 nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Phan Vũ Đ là người đã cùng bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị Kim H và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 76/2020/HSST ngày 07/7/2020.

Đối với đối tượng Trương Minh Đ1, là người đã cùng bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Trung T, do trị giá tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, bản thân Đ1 tuy đã từng bị Tòa án xét xử về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vào ngày 22/10/2002 nhưng đã xoá án tích, chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ1 là đúng quy định.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 03 lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, được bị hại bà H xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có nhiều nhân thân xấu và tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để sửa chữa sai lầm của mình mà sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T và anh Nguyễn Trung T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, bị hại bà Bùi Thị Kim H không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 bình ắc quy màu cam hiệu GLOBE ; 01 bộ thay đổi dòng điện ; 01 cây gỗ trên đầu có gắn 02 thanh kim loại; 01 súng tự chế bằng gỗ là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

- 01 đồng hồ dây da màu nâu hiệu Neos; 01 điện thoại Nokia màu đen là tài sản của ông Trương Minh Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho ông Đ.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 37Z2 – 4055 và 01 chìa khóa có 04 cạnh. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe là anh Hà Anh Vũ và chủ sở hữu biển số xe nói trên là bà Nguyễn Thị Đức nhưng chưa xác định được nơi ở của anh Vũ và chị Đức và chưa làm việc được với những người này nên giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Huy K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phan Huy K 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23/6/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bình ắc quy màu cam hiệu GLOBE ; 01 bộ thay đổi dòng điện; 01 cây gỗ trên đầu có gắn 02 thanh kim loại; 01 súng tự chế bằng gỗ có buộc dây thun.

- Trả lại cho ông Trương Minh Đ 01 đồng hồ dây da màu nâu hiệu Neos; 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 37Z2 – 4055 và 01 chìa khóa có 04 cạnh để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

*(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).*

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị N, bà H, anh T và người liên quan ông Đ1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lệ Quyên**